|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** **TỈNH QUẢNG TRỊ** |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /NQ-HĐND | *Quảng Trị, ngày 07 tháng 12 năm 2023* |

**NGHỊ QUYẾT**

**về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030,**

**tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 21**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;* *Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 27/09/2021của Chính phủ về**các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 08/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 7016/BC-HĐTĐ ngày 28/8/2023 của Hội đồng Thẩm định Quy hoạch tỉnh;*

*Xét Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 19/12/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chính như sau:**

I. Phạm vi ranh giới quy Quy hoạch

Phạm vi lập Quy hoạch tỉnh Quảng Trị bao gồm toàn bộ tỉnh Quảng Trị, với diện tích tự nhiên trên đất liền và đảo Cồn Cỏ là: 4.701,23 km2, với 10 đơn vị hành chính gồm: Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và 8 huyện (Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa, Đakrông, Triệu Phong, Hải Lăng và huyện đảo Cồn Cỏ).

Phần không gian biển được nghiên cứu lập quy hoạch có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm (18,6 năm) và ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm một khoảng cách 06 hải lý đối với vùng biển ven bờ và vùng biển quanh đảo Cồn Cỏ với phạm vi 06 hải lý xung quanh đảo.

Ranh giới toạ độ địa lý của tỉnh Quảng Trị là khoảng 16o18 đến 17o10 vĩ độ Bắc, 106o32 đến 107o34 kinh độ Đông. Phía Bắc giáp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; phía Nam giáp huyện Phong Điền và A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; phía Đông giáp Biển Đông; phía Tây giáp tỉnh Savanakhet và Salavan (nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào).

II. Nội dung Quy hoạch

1. Quan điểm phát triển

1.1. Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đảm bảo thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia, đồng thời phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia.

1.2. Phát triển tỉnh Quảng Trị theo hướng xanh và bền vững, tương xứng với tiềm năng lợi thế, dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích nghi, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

1.3. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế để có cơ chế, chính sách khai thác có hiệu quả sớm nhất thời cơ và lợi thế trong kỳ quy hoạch; đảm bảo đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

1.4. Đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ. Ưu tiên những dự án quan trọng, tạo sự đột phá và có tác động lan tỏa lớn; trọng tâm là các công trình, lĩnh vực kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nhằm phát huy hiệu quả kinh tế.

1.5. Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, trọng tâm là tăng tỷ trọng ngành dịch vụ, nâng cao chất lượng, hiệu quả ngành công nghiệp, phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển kinh tế biển, kinh tế tuần hoàn và năng lượng tái tạo, gắn với xây dựng nông thôn mới một cách hiệu quả, bền vững. Chú trọng thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1.6. Thúc đẩy cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; thúc đẩy nhanh chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; thực hiện thí điểm các mô hình sản xuất mới; tập trung hỗ trợ mọi mặt (thủ tục đầu tư, đất đai, hạ tầng, xúc tiến việc làm, chính sách thuế...) để thu hút đầu tư, tạo sức lan tỏa và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là các lĩnh vực được xác định là trọng điểm và đột phá.

1.7. Quan điểm về thúc đẩy liên kết vùng:

- Quy hoạch phải dựa trên lợi thế so sánh của tỉnh Quảng Trị trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ để phát huy tiềm năng của tỉnh, đặc biệt là về kinh tế biển, năng lượng sạch và dịch vụ - logistics trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, Bắc - Nam, du lịch sinh thái, để liên kết phát triển trong vùng, tăng cường thu hút mọi nguồn lực từ bên ngoài, cũng như phát huy nội lực để nâng cao tốc độ tăng trưởng;

- Liên kết phát triển các vùng trong tỉnh, là vị trí trung tâm liên kết nội vùng của khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ với ngoại vùng theo hướng Đông - Tây, đưa Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, trọng tâm là Khu bến cảng Mỹ Thủy trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa của khu vực và thế giới. Tạo sự phân công hợp tác giữa các địa phương trong tỉnh nhằm phát huy có hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với chất lượng tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm cho từng địa phương.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Quảng Trị trở thành tỉnh có nền kinh tế vững mạnh với cơ cấu chính là công nghiệp - dịch vụ và là một trong những động lực phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, sớm hình thành trung tâm Hydro xanh Hải Lăng, Hướng Hóa (nhà máy năng lượng mặt trời, điện gió và nhà máy sản xuất Hydro - Amoniac) trong Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, một trong những trung tâm năng lượng sạch của vùng và cả nước; tham gia tích cực và chủ động vào các hoạt động giao thương, liên kết trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây và là hạt nhân quan trọng trong chuỗi cung ứng thương mại, du lịch, vận tải và logistics giữa Quảng Trị với các nước gồm Lào, Thái Lan, Myanmar và các nước Đông Nam Á, Tây Á. Liên kết Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị với Khu công nghiệp Phong Điền (tỉnh Thừa Thiên Huế) để thành lập đặc khu kinh tế cửa mở Biển Đông.

3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

3.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển tỉnh Quảng Trị đạt trình độ phát triển thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước và có cơ cấu kinh tế cơ bản là một tỉnh công nghiệp - dịch vụ; phát triển hài hòa giữa các mục tiêu: kinh tế - xã hội - môi trường - an ninh quốc phòng - hợp tác khu vực, quốc tế; chủ động ứng phó hiệu quả với thiên tai và các tác động của biến đổi khí hậu. Tập trung đầu tư, hoàn thành đưa vào khai thác, phát huy hiệu quả kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo bước phát triển đột phá cho giai đoạn tiếp theo. Ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào tất cả các ngành, lĩnh vực để nhanh chóng số hóa nền kinh tế, cũng như rút ngắn tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá của tỉnh, hướng tới mục tiêu cao nhất, cải thiện và nâng cao hơn nữa đời sống nhân dân.

Khai thác hiệu quả các lợi thế của tỉnh trên tuyến hành lang hạ tầng theo hướng Bắc - Nam, hành lang Đông - Tây và khai thác hợp lý dải không gian ven biển, trở thành một trong những trung tâm kinh tế tổng hợp của khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, trung tâm hậu cần và trung chuyển hàng hóa của khu vực Đông Nam Á và các hành lang giao thông trong khu vực ASEAN, tiểu vùng sông Mêkông (GMS). Sớm hiện thực hóa hành lang khu kinh tế cửa khẩu La Lay - cảng Mỹ Thủy (Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị) theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 3 tháng 11 năm 2022.

3.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

- Về kinh tế: (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) giai đoạn 2021-2030 đạt 8,2%/năm trong đó giai đoạn 2021-2025 đạt 7,7%/năm, giai đoạn 2026-2030 đạt 8,7%/năm; (2) Cơ cấu kinh tế (tính theo GRDP): Nông nghiệp chiếm 10,5%, Phi nông nghiệp chiếm 84,5%, Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,0%; (3) GRDP bình quân đầu người người đạt khoảng 5.500 - 6.500 USD/người; (4) Tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội (giá hiện hành) cả giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 434 nghìn tỷ đồng, đến năm 2030 chiếm khoảng 47,4% GRDP; (5) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt trên 7,6%/năm; (6) Thuộc nhóm trung bình khá của cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyển đổi số (DTI); (7) Thuộc nhóm khá của cả nước về Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI).

- Về xã hội: (1) Tổng quy mô dân số năm 2030 là khoảng 1.060.000 người, trong đó dân số thường trú khoảng 700.000 người; (2) Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 42% - 48%; (3) Số bác sỹ/1 vạn dân là 12 bác sĩ, số điều dưỡng/vạn dân là 25 điều dưỡng; (4) Số giường bệnh/1 vạn dân là 37 giường; (5) Chỉ số phát triển con người (HDI) 2030 đạt trên 0,75; (6) Giảm tỷ lệ thất nghiệp trong lực lượng lao động xuống còn khoảng 2%; (7) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1 - 1,5%/năm; (8) 70% trường học công lập được công nhận đạt chuẩn quốc gia; (9) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 85%; (10) 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; (11) Trên 95% dân số tham gia Bảo hiểm y tế; (12) Thiết chế văn hóa cơ sở: 80% cấp huyện có Nhà thiếu nhi; 100% Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã và Nhà văn hóa - khu thể thao thôn đạt chuẩn; 100% khu công nghiệp có Trung tâm văn hóa, thể thao.

- Về tài nguyên và môi trường: (1) Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 49-50%, nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn và phục hồi rừng phòng hộ ven biển; (2) 95-99% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; (3) 98% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; (4) 100% khu, cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường; (5) Trên 40% số đô thị có hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường; (6) 100% các cơ sở sản xuất được cấp giấy phép môi trường, xử lý dứt điểm các điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích (làng nghề, chợ, tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật, bãi rác…), không để phát sinh các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới. (7) Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 90-100%; nông thôn đạt 80-90%; Xử lý 100% chất thải rắn nguy hại.

4. Các khâu đột phá phát triển trong giai đoạn quy hoạch:

4.1. Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộđể tạo điều kiện phát huy các tiềm năng phát triển của tỉnh. Tập trung huy động đa dạng hóa các nguồn lực nhằm đẩy nhanh triển khai thực hiện các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh như: Cảng hàng không Quảng Trị; cảng biển Mỹ Thủy; đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông - Tây, Quốc lộ 15D - GĐ1 (kết nối cảng Mỹ Thủy với đường bộ cao tốc Cam Lộ - La Sơn); Cửa Việt - Lao Bảo; La Lay - Mỹ Thuỷ… và hệ thống giao thông liên vùng có tính kết nối cao như tuyến tránh phía Tây Quốc lộ 1; Đường Hùng Vương kéo dài,… đảm bảo đến năm 2030 cơ bản kết nối thông suốt bằng loại hình giao thông tốc độ cao dọc theo trục động lực Bắc - Nam và hành lang kinh tế Đông - Tây (bao gồm 02 tuyến Mỹ Thủy - La Lay và Đông Hà - Lao Bảo); Phát triển Khu bến cảng nước sâu Mỹ Thủy trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa của khu vực và thế giới.

4.2. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo môi trường đầu tư kinh doanh năng động của khu vực Bắc Trung Bộ. Phấn đấu đến năm 2025 nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, các chỉ số thành phần về chỉ số PCI và chỉ số cải cách hành chính của tỉnh sẽ được nâng dần vị trí xếp hạng, mỗi năm tăng từ 3-5 bậc, nằm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành khá. Đến năm 2030, xây dựng tỉnh Quảng Trị thành tỉnh năng động về môi trường kinh doanh và đầu tư.

4.3. Thực hiện chuyển đổi số:

Đến năm 2025, thực hiện chuyển đổi số hướng tới Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số song song với chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Chuyển đổi số ở một số lĩnh vực trọng điểm như: Hành chính công, giao thông, giáo dục, y tế, nông nghiệp, du lịch,…đạt được những thành tựu nhất định góp phần phát triển kinh tế của tỉnh nhanh và bền vững.

Đến năm 2030, hoàn thành thực hiện chuyển đổi số ở cả ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số gắn kết với cải cách hành chính và đô thị thông minh. Thực hiện đổi mới quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số. Đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI) trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số an toàn, rộng khắp.

4.4. Chuẩn bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền cơ chế vượt trội để khai thác tiềm năng, thế mạnh là tỉnh đầu cầu trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây.Phát triển nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên hàng đầu của tỉnh, trong đó, nhấn mạnh vào việc tăng cường khả năng phối hợp giữa các bên có liên quan, bao gồm các cơ quan cấp quốc gia, các cơ quan cấp tỉnh, các đơn vị giáo dục - đào tạo và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo môi trường sinh sống và làm việc hấp dẫn nhằm thu hút nhân tài trong và ngoài nước. Từng bước hình thành thị trường lao động cung cấp cho khu vực và hành lang Đông - Tây.

5. Các nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn quy hoạch

5.1. Tiếp tục thực hiện các giải pháp hoàn thành mục tiêu xây dựng Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng sạch của miền Trung vào năm 2030, trong đó xác định năng lượng tái tạo là ngành trọng điểm. Tập trung phát triển các nguồn nhiệt điện khí và công nghiệp khí tại khu vực Đông Nam của tỉnh đã được có trong quy hoạch điện quốc gia. Tiếp tục nghiên cứu và phát triển các nguồn năng lượng tái tạo tại những khu vực có lợi thế về điều kiện tự nhiên: Xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải đồng bộ nguồn điện, đặc biệt là các công trình lưới điện 500kV nhằm củng cố liên kết giữa tỉnh Quảng Trị với lưới điện truyền tải quốc gia; Tiếp tục phát triển lưới điện cấp cho phụ tải nhằm đảm bảo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5.2. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, hình thành thương hiệu du lịch Quảng Trị trên cơ sở khai thác giá trị biểu tượng về sự hồi sinh mạnh mẽ từ đổ nát do chiến tranh tàn phá, ký ức chiến tranh - khát vọng hòa Bình. Phát huy lợi thế về biển đảo, sinh thái; văn hóa, tín ngưỡng … và kết nối liên vùng trong hệ thống du lịch di sản Miền Trung, cùng các hành lang kinh tế quốc gia, quốc tế.

5.3. Xây dựng kết cấu hạ tầng logistic chất lượng và hiệu quả tại những vị trí có tiềm năng, đồng bộ với hệ thống giao thông, đủ mạnh để tạo được lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp khi đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị, thông qua việc giảm chi phí vận chuyển, giảm các khâu trung gian.

5.4. Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo với công nghệ tiên tiến, công nghệ cao,quy hoạch các khu vực ưu tiên phát triển công nghiệp lấy dải không gian vùng đồng bằng cao và trung du làm trọng điểm, kết hợp với khai thác hợp lý Khu kinh tế Đông Nam, Khu kinh tế Lao Bảo, La lay….

5.5. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, hữu cơ để tạo ra những sản phẩm đặc sản, chất lượng cao, nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.

5.6. Thực hiện phát triển bao trùm, tạo điều kiện để mọi tầng lớp nhân dân có cơ hội tham gia và hưởng lợi từ quá trình phát triển, qua đó thực hiện tiến bộ xã hội, xoá đói giảm nghèo, chăm lo cho các nhóm yếu thế, các đối tượng chính sách.

5.7. Bảo vệ môi trường, phục hồi sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học, vừa tôn tạo vừa khai thác phát huy các giá trị sinh thái đặc thù, phục vụ phát triển kinh tế và nâng cao giá trị và chất lượng môi trường sống của người dân ở đô thị cũng như nông thôn.

5.8. Củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội. Chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế; đảm bảo đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

6. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

6.1. Các tiểu vùng phát triển:

Không gian phát triển toàn tỉnh Quảng Trị được tổ chức thành bốn vùng phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với điều kiện sinh thái, tiềm năng phát triển của mỗi tiểu vùng; trong đó 02 vùng trọng điểm là Vùng trung du và vùng trọng điểm và 02 vùng phụ trợ là Vùng trũng nằm giữa vùng ven biển, vùng đồng bằng cao; vùng núi phía Tây. Cụ thể:

(1) Vùng trung du - vùng trọng điểm phát triển, tại vùng đồng bằng cao và trung tâm - từ hai bên Quốc lộ 1 đến hai bên đường bộ cao tốc: Tập trung phát triển kinh tế và đô thị, với các đô thị hiện hữu đóng vai trò hạt nhân; ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng, kết nối để tạo thêm động lực phát triển, phát huy tiềm năng của các khu dân cư trong vùng, nâng cao chất lượng môi trường sống và hiệu qủa hoạt động kinh tế - xã hội trong toàn vùng; ưu tiên và khuyến khích phát triển công nghiệp, dịch vụ có yêu cầu quỹ đất lớn dọc các tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường Quốc lộ 1 và các hành lang Đông - Tây, nhưng cần đảm bảo không nằm trong vùng lưu vực của các hồ và các sông có nhiệm vụ cấp nước sinh hoạt; bảo vệ môi trường lưu vực các hồ thuỷ lợi và những con sông có vai trò là nguồn cấp nước; đan xen dân cư hoặc các điểm dịch vụ du lịch nhỏ khai thác cảnh quan các hồ; Phát triển vườn đồi, trang trại; xây dựng đường tránh Quốc lộ 1 về phía Tây để nâng cao chất lượng chuỗi đô thị chính của tỉnh và tạo thêm động lực phát triển cho vùng phía Tây của Quốc lộ 1.

(2) Vùng ven biển – vùng trọng điểm phát triển: Phát triển các đô thị du lịch, khu du lịch tổng hợp ven biển; kết nối với đảo Cồn Cỏ; phát triển Khu kinh tế Đông Nam là khu kinh tế biển tổng hợp, trọng tâm là công nghiệp năng lượng, công nghiệp đa ngành khai thác lợi thế ven biển, logistic; phát triển các tổ hợp (nhà máy) nuôi trồng thủy sản hiện đại - thân thiện môi trường và du lịch, trong dải vùng cát ven biển; Phát triển các tổ hợp công nghiệp kết hợp với dịch vụ và đô thị/dân cư; duy trì, phục hồi và mở rộng dải rừng phòng hộ ven biển; phục hồi môi trường vùng rừng sinh thái vùng cát, phát triển dịch vụ môi trường, đan xen các khu du lịch và dân cư phát triển mới trong vùng rừng; Xây dựng sân bay tại Gio Linh và cảng biển tại Mỹ Thủy.

(3) Vùng trũng nằm giữa vùng ven biển và vùng đồng bằng cao - tiểu vùng phụ trợ: Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và nông nghiệp công nghệ cao; nâng cấp hạ tầng và chất lượng môi trường sống của các khu dân cư hiện hữu, tăng cường kết nối với vùng trung tâm cũng như vùng ven biển; phát triển du lịch sinh thái; phục hồi môi trường và chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với nước và biến đổi khí hậu.

(4) Vùng núi phía Tây - tiểu vùng phụ trợ: Phục hồi, bảo tồn sinh thái vùng núi, đan xen với phát triển du lịch sinh thái bền vững; phát triển điện gió; phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với thương mại, dịch vụ, logistic, trung tâm hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái. Trong đó, khu vực cửa khẩu Lao Bảo và La Lay có tính chất chính là du lịch sinh thái, thương mại và logistic; phát triển Khu kinh tế thương mại (KTTM) xuyên biên giới chung Lao Bảo - Đen-sa-vẳn.

6.2. Các hành lang phát triển:

Trong toàn tỉnh, tổ chức không gian phát triển theo 6 hành lang phát triển, vừa là trục lõi động lực vừa kết nối các tiểu vùng kinh tế - xã hội, trong đó có 04 hành lang động lực là Hành lang phát triển trung tâm (vùng đồng bằng cao và trung du); Hành lang phát triển ven biển; Hành lang phát triển Đông – Tây) kết nối cửa khẩu Quốc tế La Lay - Cảng Mỹ Thủy và kết nối Cửa khẩu Lao Bảo - Đông Hà - Cửa Việt) và 02 hành lang phụ trợ là Hành lang phát triển biên giới và Hành lang phát triển phụ trợ dọc theo đường 9D, kết nối các điểm đô thị Hồ Xá - Bến Quan - Hướng Phùng. Cụ thể:

(1) Hành lang phát triển trung tâm (vùng đồng bằng cao và trung du): Tập trung các hoạt động kinh tế công nghiệp, du lịch, dịch vụ, đào tạo… và đô thị, gắn với các hành lang hạ tầng kỹ thuật quốc gia theo hướng Bắc - Nam;

(2) Hành lang phát triển ven biển, với trọng tâm là khu công nghiệp khí, công nghiệp đa ngành khai thác lợi thế cảng biển, dịch vụ logistic, đô thị du lịch sinh thái biển và sinh thái vùng cát ven biển gắn với phục hồi hệ sinh thái;

(3) và (4) là các hành lang phát triển Đông - Tây: Khai thác tiềm năng và lợi thế của hành lang quốc tế Đông - Tây, kết nối cửa khẩu Quốc tế La Lay - Cảng Mỹ Thủy và kết nối Cửa khẩu Lao Bảo - Đông Hà - Cửa Việt, phát triển logistic, du lịch, nâng cao chất lượng môi trường sống của dân cư, hỗ trợ phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với cộng đồng và du lịch sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng…; kết nối các hành lang kinh tế nội tỉnh khác theo hướng Đông - Tây, phát huy các tiềm năng đa dạng trong mỗi tiểu vùng.

(5) Hành lang phát triển biên giới - hành lang phụ trợ, gắn với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, kết nối với các hành lang Đông - Tây để phát triển kinh tế vùng biên giới Việt - Lào, tạo động lực thúc đẩy phát triển khu vực vùng núi, tổ chức một số điểm cao ngắm cảnh, chiêm ngưỡng sự hùng vĩ của dãy Trường Sơn từ trên cao, kết hợp với phát triển các điểm dân cư và đô thị gắn với du lịch sinh thái núi, tổ chức trải nghiệm văn hóa cộng đồng, dân tộc.

(6) Hành lang phát triển phụ trợ dọc theo đường 9D, kết nối các điểm đô thị Hồ Xá - Bến Quan - Hướng Phùng với không gian ven biển cũng như vùng núi phía Tây: khai thác đa dạng sinh thái, văn hoá, lịch sử để phát triển du lịch sinh thái - văn hoá - lịch sử, cộng đồng; phát triển nông nghiệp hiệu qủa cao, đặc biệt là cây công nghiệp, cây ăn quả, vùng rừng nguyên liệu…

7. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị và tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

7.1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Đến năm 2030, toàn tỉnh có 18 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Đông Hà); 01 đô thị loại IV/III (thị xã Quảng Trị và vùng phụ cận); 03 đô thị loại IV (thị trấn Hồ Xá, Lao Bảo, Khe Sanh); 04 đô thị loại V/IV (thị trấn Gio Linh, Ái Tử, Cam Lộ, Diên Sanh), 09 đô thị loại V trong đó: 04 đô thị hiện hữu (Bến Quan, Cửa Tùng, Cửa Việt mở rộng, Krông Klang); 05 đô thị thành lập mới Nam Cửa Việt, Sòng, Tà Rụt, Lìa, La Vang và một số khu vực phát triển đô thị mới (Cùa, Hải Chánh, Hướng Phùng, khu đô thị sân bay Quảng Trị) và một số khu vực khác).

Đến năm 2050, toàn tỉnh có 19 đô thị, gồm 01 đô thị loại II (thành phố Đông Hà); 01 đô thị loại III (thị xã Quảng Trị và vùng phụ cận); 09 đô thị loại IV (Thị trấn Hồ Xá, Gio Linh, Cam Lộ, Ái Tử, Lao Bảo, Khe Sanh, đô thị Cửa Việt, đô thị Nam Cửa Việt và thị xã Hải Lăng - được nâng cấp từ huyện Hải Lăng); 08 đô thị loại V, gồm 06 đô thị hiện hữu (Bến Quan, Cửa Tùng, Krông Klang, Lìa, Sòng và Tà Rụt), 02 đô thị phát triển mới là Cùa, Hướng Phùng và khu vực phát triển đô thị mới bao gồm tổ hợp công nghiệp, dịch vụ và đô thị gần sân bay Quảng Trị.

7.2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển nông thôn bền vững, trên cơ sở duy trì tối đa sự ổn định của hệ thống khu dân cư sẵn có, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và môi trường sản xuất. Đồng thời, phát triển các khu vực dân cư mở rộng (các khu giãn dân, các trung tâm xã) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nội tại của dân cư nông thôn; Phát triển nông nghiệp truyền thống theo hướng nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái, gắn nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ về vấn đề môi trường. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn (giao thông, hệ thống cung cấp nước sạch và thoát nước thải…), bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường; triển khai các mô hình bổ sung các khu chức năng phục vụ nâng cao đời sống dân cư và tạo việc làm tại nông thôn. Xây dựng mối liên kết phát triển nông thôn với các đô thị, nhằm nâng cao khả năng tiếp cận với các dịch vụ của đô thị, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Triển khai giải pháp xã thông minh để tăng cường liên kết, phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung. Đặc biệt chú ý quy hoạch khu vực xây dựng các cơ sở chế biến và giới thiệu các sản phẩm nông thủy sản được tập kết từ các vùng nguyên liệu xung quanh.

8. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Đến năm 2025: Thực hiện sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Đến năm 2030: Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, đơn vị hành chính ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các đơn vị hành chính nông thôn đã được quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị.

Phạm vi ranh giới cụ thể của từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thời kỳ quy hoạch tỉnh. Cụ thể:

- Thị xã Quảng Trị có các yếu tố đặc thù về lịch sử hình thành, lịch sử truyền thống cách mạng, đặc biệt, di tích Thành cổ Quảng Trị được công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, nơi đây đã trở thành điểm hẹn truyền thống của mọi thế hệ cựu chiến binh, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân khắp mọi miền của Tổ quốc. Ngoài ra, huyện Hải Lăng đã có định hướng lên thị xã vào giai đoạn 2030 - 2040 nên sẽ có sự thay đổi một số chỉ tiêu về quy mô dân số, diện tích, số lượng đơn vị hành chính… Do đó đề xuất chưa sắp xếp thị xã Quảng Trị trong giai đoạn đến năm 2030. Đến khi huyện Hải Lăng được nâng cấp lên thị xã, sẽ đồng thời tiến hành việc sắp xếp đơn vị hành chính đối với cả thị xã Quảng Trị.

- Huyện đảo Cồn Có có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính khác nên không thuộc diện sắp xếp đơn vị hành chính.

- Thành phố Đông Hà định hướng quy hoạch mở rộng về 4 phía, ưu tiên hướng Tây và hướng Bắc.

- Huyện Cam Lộ định hướng sắp xếp với các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề về phía Đông, phía Bắc.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UVTVQH, Chính phủ;- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn đại biểu QH tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;- Các sở ban ngành liên quan;- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;- Lưu: VT, KTNS. | **CHỦ TỊCH****Nguyễn Đăng Quang** |